

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/KDTM-PT
Ngày: 11 - 5 - 2022
V/v Tranh chấp giữa thành viên công ty
với công ty và tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng phần vốn góp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 23/2020/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 521/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thanh L, sinh năm: 1982 (vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 1, phường Đ1, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

Địa chỉ: Số 15/33 đường Đ2, phường Đ1, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ Đa Phước 2, Phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn A

Địa chỉ: Số 15/22 đường Đ2, phường Đ1, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ liên hệ: Trường mầm non N1, khu phố N2, thị trấn N3, huyện N4, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật:

1. Bà Đinh Thị Bích V1, sinh năm: 1976 (có mặt);

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, phường N4, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

Địa chỉ: Số 18 đường Đặng Văn Ngữ, khu phố N2, thị trấn N3, huyện N4, tỉnh Ninh Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tiến M, sinh năm 1985 (có mặt);

(văn bản ủy quyền ngày 06/01/2021)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Nguyễn Thế H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Cùng địa chỉ: Công ty Luật TNHH Vega, lầu 3, Tòa nhà Thanh Niên Media, số 345/134 đường N5, phường N6, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Đoàn Thị Thanh L, sinh năm: 1982 (vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 1, phường Đ1, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

Địa chỉ: Số 15/33 đường Đ2, phường Đ1, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 15/33 đường Đ2, phường Đ1, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người kháng cáo:* Bà Đinh Thị Bích V1, người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Đoàn Thị Thanh L trình bày:

Ngày 14/10/2016, bà Đoàn Thị Thanh L góp vốn với bà Đinh Thị Bích V1 thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (sau đây gọi là Công ty A), đăng ký lần đầu ngày 03/12/2014 và đăng ký thay đổi lần 01 ngày 14/10/2016, với phần vốn góp của mỗi bên là 50%. Bà Đinh Thị Bích V1 làm giám đốc, còn bà L làm phó giám đốc.

Đầu năm 2018, Công ty đầu tư xây dựng Trường mầm non N1 tại khu phố N2, thị trấn N3, huyện N4, tỉnh Ninh Thuận với số tiền khoảng 3.500.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm triệu đồng), bao gồm: tiền dự án, tiền đền bù giải phóng mặt bằng, tiền chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng... trong đó:

- Số tiền vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận là 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng), số tiền vay này được đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số CG 047901 chủ sử dụng, sở hữu mang tên Công ty A; Hai quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số CĐ 266650 và Giấy chứng nhận số BI 526562 chủ sử dụng, sở hữu mang tên vợ chồng bà L (ông Nguyễn Văn B, bà Đoàn Thị Thanh L); 01 Quyền sử dụng đất mang tên Đinh Thị Bích V1, bà L không biết chi tiết.

- Số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) còn lại bà L và bà V1 cùng nhau góp bằng tiền mặt mỗi người 500.000.000đ.

Đến tháng 08/2018, bà L và bà V1 không thống nhất được việc quản lý và điều hành Công ty và Trường mầm non nên giữa hai bên dần phát sinh mâu thuẫn. Bà Đinh Thị Bích V1 giữ con dấu và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không cho bà L tham gia vào hoạt động quản lý Công ty và Trường mầm non nữa. Đồng thời, bà L không được bà V1 chia lợi tức từ hoạt động của Công ty và Trường mầm non. Vì vậy, bà Đoàn Thị Thanh L khởi kiện Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đinh Thị Bích V1 cho bà L vào tham gia hoạt động điều hành quản lý Công ty A; Buộc bà V1 chia cho bà L 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) lợi tức từ nguồn doanh thu của Công ty trên phần vốn góp mà bà L đã góp vào Công ty trong khoảng thời gian hoạt động của Trường mầm non N1 trong năm 2018-2019.

Ngày 18/5/2020, bà L có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Giấy sang nhượng Trường mầm non N1, buộc bà Đinh Thị Bích V1 chịu phạt cọc cho bà L số tiền 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*) do vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Cho bà L vào tham gia hoạt động điều hành quản lý Công ty A và Trường mầm non N1. Bà L xin rút yêu cầu buộc bà V1 chia cho bà L 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) lợi tức từ nguồn doanh thu của Công ty trên phần vốn góp mà bà L đã góp vào Công ty trong khoảng thời gian hoạt động của Trường mầm non N1 trong năm 2018-2019. Tại phiên tòa ngày

04/8/2020, người đại diện theo ủy quyền của bà L rút yêu cầu phạt cọc là 70.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của công ty Trách nhiệm hữu hạn A – bà Đinh Thị Bích V1 trình bày:

Bà Đinh Thị Bích V1 xác nhận giữa bà V1 với bà Đoàn Thị Thanh L đã thực hiện xong thỏa thuận theo giấy sang nhượng ngày 12/9/2018, theo đó: bà L chuyển nhượng toàn bộ giá trị phần vốn góp của bà L cho bà V1; bà V1 đã thực hiện xong nghĩa vụ nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà V1 đã thực hiện việc thanh toán phần vốn góp của bà L theo Giấy sang nhượng Trường mầm non N1 ngày 12/9/2018 nên bà L không còn tư cách là thành viên của Công ty A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông Bộ thống nhất với ý kiến trình bày của bà Đoàn Thị Thanh L. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L. Ông Nguyễn Văn B có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thanh L đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn A do bà Đinh Thị Bích V1 là người đại diện theo pháp luật.

2. Hủy giấy sang nhượng trường Mầm non N1 được xác lập ngày 12/9/2018; Buộc bà Đoàn Thị Thanh L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đinh Thị Bích V1 270.320.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

3. Xác định bà Đoàn Thị Thanh L vẫn là thành viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu phạt cọc do bà Đoàn Thị Thanh L khởi kiện bà Đinh Thị Bích V1. Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2020, bà Đinh Thị Bích V1, người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà Đinh Thị Bích V1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Tiến M, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Lê Nguyễn Thế H thống nhất trình bày:

Bà L đã tự nguyện gia hạn thời hạn thanh toán cho bà V1, cũng như vẫn đồng ý tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp của mình. Xuyên suốt quá trình thực hiện thỏa thuận, bà V1 hoàn toàn có thiện chí hợp tác để sớm kết thúc việc sang nhượng Trường mầm non N1 bằng cách liên tục liên hệ và gửi thông báo đề nghị bà L nhận số tiền còn lại 336.915.000 đồng và hoàn tất hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp. Do không được sự hợp tác của bà L nên bà V1 không thể trả số tiền còn lại, tiến hành thủ tục ký các giấy tờ liên quan đến việc sang nhượng phần vốn góp và thay đổi doanh nghiệp.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà V1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thanh L về việc huỷ giấy sang nhượng trường Mầm non N1 được xác lập ngày 12/9/2018; đồng thời yêu cầu bà Đoàn Thị Thanh L và bà Đinh Thị Bích V1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận trong “giấy sang nhượng trường Mầm non N1” và thỏa thuận trong “Văn bản xác nhận lại số nợ” ngày 14/01/2019; không chấp nhận yêu cầu bà Đoàn Thị Thanh L vẫn là thành viên Công ty A và đồng thời bà L phải có nghĩa vụ ký xác nhận các giấy tờ hoàn tất hồ sơ, thủ tục sang nhượng cho bà V1 theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Thanh L, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh V đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị Bích V1, giữ y bản án sơ thẩm. Bởi lẽ, tư cách thành viên của bà Đoàn Thị Thanh L trong Công ty A đã được ghi nhận trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bà L thỏa thuận sang nhượng phần vốn góp cho Công ty A do bà Đinh Thị Bích V1 đại diện theo pháp luật. Bà L đã nhận của bà V1 270.320.000 đồng, số tiền còn lại bà V1 vi phạm cam kết chuyển trả cho bà L không đúng thời hạn, không thông báo cho bà L biết nên khi phát hiện bà L đã chuyển trả lại cho bà V1. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

Theo giấy sang nhượng phần vốn góp của Công ty A do bà Đinh Thị Bích V1 làm người đại diện thì ngày cuối cùng bà V1 phải thực hiện nghĩa vụ đối với bà L là 12/11/2018 và bà V1 phải trả cho bà L hai quyền sử dụng đất đã mượn đang thế chấp tại ngân hàng. Nhưng đến ngày 12/3/2019 bà V1 chuyển ủy nhiệm chi thông qua tài khoản của bà L số tiền 336.915.000 đồng. Bà V1 không thông báo cho bà L biết, khi được ngân hàng thông báo thì bà L chuyển trả lại số tiền này cho bà V1 do không đồng ý chuyển nhượng. Bà V1 nhận lại tiền và không có ý kiến gì về nội dung này. Hơn nữa, ông Nguyễn Văn B, là chồng của bà L, là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng bà L đứng tên góp vốn thông qua việc thế chấp hai quyền sử dụng đất để vay vốn cho công ty, nhưng việc chuyển nhượng Trường mầm non không có ý kiến của ông B là trái với Điều lệ công ty. Giữa bà V1 và bà L chưa hoàn tất việc chuyển nhượng Trường mầm non N1 theo qui định tại hoạt động của Công ty ngày 07/10/2016, đã vi phạm Điều 49, Điều 53 Luật Doanh nghiệp năm 2014 nên không phát sinh hiệu lực. Công ty A chưa thay đổi thành viên theo giấy phép kinh doanh nên quyền và nghĩa vụ của các thành viên vẫn không thay đổi nên bà L vẫn còn tư cách là thành viên công ty với chức danh là Phó giám đốc. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng trên.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp:

Tại thời điểm khởi kiện, bà L vẫn là thành viên của Công ty A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4500587866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14/10/2016, các yêu cầu của bà L về việc được tham gia vào hoạt động của công ty và yêu cầu được chia lợi tức là tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty liên quan đến hoạt động của công ty được quy định tại khoản 4 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: *“Tranh chấp giữa công ty với các thành viên*

của công ty; tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc trong công ty cổ phần, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao tài sản của công ty, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty”.

Đối với các yêu cầu liên quan đến việc huỷ Giấy sang nhượng Trường mầm non N1 và buộc bà Đinh Thị Bích V1 chịu phạt cọc cho bà L do vi phạm nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng tài sản được quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: *“Các tranh chấp khác về kinh doanh, thương mại, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật”.*

Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp.

[1.3] Xét kháng cáo của bị đơn về việc tuân theo tố tụng của Toà án cấp sơ thẩm:

Tại đơn kháng cáo và tại phiên toà phúc thẩm, bà V1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty A trình bày việc Toà án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do xét xử vắng mặt bị đơn và không chấp nhận đơn đề nghị hoãn phiên toà sơ thẩm của bị đơn.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, đơn xin hoãn phiên toà của bị đơn không thực hiện đúng hình thức theo quy định pháp luật. Công ty A là pháp nhân nên các văn bản tố tụng phải do người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu tại cuối đơn khởi kiện hoặc do người đại diện theo uỷ quyền ký tên. Đơn đề nghị hoãn phiên toà đề ngày 20/7/2020 không được ký bởi người đại diện theo pháp luật và không đóng dấu của công ty. Ngoài ra, người làm đơn hộ là ông Nguyễn Văn Hà không được uỷ quyền hợp pháp bởi Công ty A. Do đó, đơn đề nghị hoãn phiên toà không có cơ sở để chấp nhận.

Việc Toà án cấp sơ thẩm đã không giải thích rõ vấn đề này trước khi xét xử là thiếu sót và cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, đây không phải là trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng của Toà án cấp sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Giấy sang nhượng Trường mầm non N1 lập ngày 12/9/2018

Tại khoản 21 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014 thì: *“Phần vốn góp là tổng giá trị tài sản của một thành viên đã góp hoặc cam kết góp vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh. Tỷ lệ phần vốn góp là tỷ lệ giữa phần vốn góp của một thành viên và vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp*

danh”. Theo quy định này thì phần vốn góp là tổng số tiền và tài sản mà bà V1 và bà L đã góp hoặc cam kết góp vào Công ty A.

Trong khi đó, Trường Mầm non N1 là tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động của Công ty A, đây không phải là phần vốn góp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Toà án, bên chuyển nhượng (bà L) và bên nhận chuyển nhượng (bà V1) đều thừa nhận thực chất các bên chuyển nhượng phần vốn góp của bà L trong Công ty A và thừa nhận rằng giá trị của Trường Mầm non N1 tương ứng với toàn bộ phần vốn góp của bà L và bà V1 trong Công ty tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy bản chất của Giấy sang nhượng Trường mầm non N1 ngày 12/9/2018 là giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp của bà L trong Công ty A cho bà V1.

Việc thực hiện giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp này trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Giá trị của giao dịch này là 50% giá trị của Trường mầm non N1 (tương ứng với 50% giá trị tổng phần vốn góp của Công ty A) được tính sau khi trừ đi tất cả các khoản nợ của Công ty tính đến ngày 12/8/2019. Việc thanh toán được thực hiện theo 03 đợt như trong thoả thuận. Ngoài ra, trong giấy sang nhượng này bà V1 và bà L còn thoả thuận thời điểm chuyển giao quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ của các bên. Cụ thể, các bên đã thoả thuận:

“- Kể từ ngày bà L nhận được tiền cọc của bà V1 (12/9/2018), thì bà V1 được toàn quyền sở hữu ngôi trường trên. Bà V1 phải chịu trách nhiệm, nghĩa vụ đối với Nhà nước, với Trường Mầm non N1.

- Kể từ ngày 12/9/2018, bà L phải chấm dứt tất cả các hoạt động, điều hành đối với Trường Mầm non N1.

- Sau khi bà V1 trả hết tiền cho bà L, thì bà L có trách nhiệm ký xác nhận các giấy tờ và hoàn tất hồ sơ, thủ tục để sang nhượng cho bà V1 đúng theo quy định pháp luật”.

Trên thực tế, bà V1 đã thanh toán đúng thời hạn 02 đợt đầu. Đối với lần thanh toán thứ ba theo thoả thuận thì bà V1 đã chậm thanh toán. Theo thoả thuận, bà V1 phải thanh toán toàn bộ số tiền còn lại vào ngày 12/11/2018. Tuy nhiên, đến ngày 12/03/2019, bà V1 mới thực hiện chuyển số tiền này cho bà L thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Đông Mỹ Hải, Ninh Thuận với số tiền 336.915.500 đồng, nội dung *“TT tien chuyen nhuong von (dot cuoi) cua Cty TNHH An Hoang Thinh”*.

Bà L cho rằng bà V1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng nên chuyển trả số tiền 336.915.500 đồng qua Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Ninh Thuận, hội sở cho bà V1 ngày

22/4/2019 với nội dung: “*Thanh kuyen chuyen tien nham*”. Việc bà L chuyển trả số tiền cho bà V1 nhưng không nêu rõ việc không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng nêu trên và đồng thời bà L vẫn giữ số tiền thanh toán của 02 đợt đầu tiên là không hợp lý.

Cũng theo thoả thuận của bà L và bà V1 thì kể từ ngày ký giấy sang nhượng này các bên không được thay đổi và các bên không thoả thuận về các căn cứ chấm dứt hợp đồng.

Xét thấy, các bên đã thực hiện được hai phần ba nghĩa vụ của hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Đồng thời, việc chậm thực hiện nghĩa vụ không phải là thoả thuận bắt buộc giữa các bên để huỷ bỏ hợp đồng này. Và hợp đồng cũng không vi phạm quy định pháp luật nên không có căn cứ huỷ bỏ. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu huỷ bỏ Giấy sang nhượng Trường mầm non N1 ngày 12/9/2018 không phù hợp.

Mặc dù, nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Nhưng để vụ án được giải quyết triệt để, Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc các bên tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo thoả thuận. Đối với số tiền thanh toán của đợt 3 là 336.915.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) các bên không có tranh chấp. Theo đó, bà V1 có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà L số tiền là 336.915.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) và hoàn trả cho bà L hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 526532, số vào sổ cấp GCN: CH 01142, do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 28/02/2012 cho ông Nguyễn Văn B và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 266650, số vào sổ cấp GCN: CS 05900, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 29/6/2016 cho ông Nguyễn Văn B, đã mượn đang thế chấp tại ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà L có nghĩa vụ hoàn tất các thủ tục, giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng nêu trên theo đúng Giấy sang nhượng Trường mầm non N1 lập ngày 12/9/2018.

Đối với việc rút yêu cầu của nguyên đơn buộc bà V1 thanh toán tiền phạt cọc đã được Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ theo đúng quy định pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện liên quan đến tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty.

Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 53 Luật Doanh nghiệp 2014 thì: “2. *Thành viên chuyển nhượng vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua*

quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 49 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên.

3. Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần vốn góp của các thành viên dẫn đến chỉ còn một thành viên trong công ty, công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.”

Do đó, thời điểm chấm dứt tư cách thành viên của bà L được tính từ thời điểm thông tin của bà V1, giá trị phần vốn góp đã nhận chuyển nhượng và chữ ký của bà V1 được ghi vào sổ đăng ký thành viên của Công ty A theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 49 và khoản 2 Điều 53 của Luật Doanh nghiệp 2014. Trên thực tế, sổ đăng ký thành viên của công ty chưa được cập nhật theo đúng trình tự thủ tục quy định nên bà L vẫn có tư cách thành viên trong Công ty A. Vậy bà L được tham gia vào các hoạt động của Công ty A và vẫn phải có các quyền và nghĩa vụ đối với Công ty cho tới khi Công ty A thực hiện việc cập nhật thông tin trên sổ đăng ký thành viên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

Riêng đối với Công ty A, sau khi bà V1 và bà L thực hiện xong giao dịch chuyển nhượng thì Công ty phải có nghĩa vụ tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng để hoạt động theo đúng quy định pháp luật.

Do các bên chưa hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phần và thủ tục cập nhật thông tin người mua trên sổ đăng ký thành viên theo quy định, nên bà L vẫn là thành viên của Công ty tại thời điểm Toà án xét xử vụ án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L về việc tham gia vào hoạt động của Công ty là có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty A thanh toán 100.000.000 (một trăm triệu) đồng lợi tức từ nguồn doanh thu của Công ty trên phần vốn góp mà bà L đã góp vào Công ty trong khoảng thời gian hoạt động của Trường mầm non N1 trong năm 2018 - 2019. Toà án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết yêu cầu này là chưa giải quyết triệt để vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty A, do bà Đinh Thị Bích V1 là người đại diện theo pháp luật, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Toà án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với tranh chấp giữa thành viên công ty với Công ty về việc buộc Công ty A cho bà L tham gia vào hoạt động Công ty. Do đó, bà L không phải chịu án phí sơ thẩm và Công ty A phải chịu án phí sơ thẩm đối với tranh chấp này là 3.000.000 đồng theo khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: *“4. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.”*

Do Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc huỷ hợp đồng chuyển nhượng trường mầm non N1 nên bà L phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 3.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018949 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận. Bà L phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 500.000 đồng.

[3.2] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty A, do bà Đinh Thị Bích V1 là người đại diện theo pháp luật.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Áp dụng:

- Điều 30 khoản 4, Điều 37 khoản 1 điểm a, Điều 147; Điều 228 khoản 1, 2; Điều 244 khoản 2 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 49, 53 của Luật Doanh nghiệp 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị Thanh L về việc yêu cầu hủy Giấy sang nhượng trường Mầm non N1 được xác lập ngày 12/9/2018;

Buộc bà Đinh Thị Bích V1 thanh toán cho bà Đoàn Thị Thanh L số tiền là 336.915.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) và hoàn trả cho bà L hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mượn và đang thế chấp tại ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 526532, số vào sổ cấp GCN: CH 01142, do Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm cấp ngày 28/02/2012 cho ông Nguyễn Văn B.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 266650, số vào sổ cấp GCN: CS 05900, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 29/6/2016 cho ông Nguyễn Văn B.

Sau khi bà Đinh Thị Bích V1 thanh toán cho bà Đoàn Thị Thanh L số tiền 336.915.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) thì Công ty A có trách nhiệm cập nhật thông tin của bà V1 trên sổ đăng ký thành viên và phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.

Kể từ ngày bà Đoàn Thị Thanh L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà V1 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nói trên thì hàng tháng bà V1 còn phải trả cho bà L tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tính trên số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thanh L về việc buộc Công ty A cho bà L tham gia vào hoạt động của Công ty A cho đến khi Công ty A cập nhật thông tin của bà V1 trên sổ đăng ký thành viên Công ty.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Đoàn Thị Thanh L khởi kiện buộc bà Đinh Thị Bích V1 phạt cọc với số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng theo Giấy sang nhượng trường Mầm non N1 được xác lập ngày 12/9/2018.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thanh L buộc Công ty A thanh toán 100.000.000 (một trăm triệu) đồng lợi tức từ nguồn doanh thu của Công ty trên phần vốn góp mà bà L đã góp vào Công ty trong khoảng thời gian hoạt động của Trường mầm non N1 trong năm 2018-2019.

Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị Thanh L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không có giá ngạch là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018949 ngày 25/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận. Bà L phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 500.000 đồng (năm trăm nghìn) đồng.

Công ty A phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không có giá ngạch là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

6. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, hoàn trả cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), do bà Đinh Thị Bích V1 đã nộp theo Biên lai thu số 0018978 ngày 25/8/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Trần Thị Thúy Hồng

Trần Thị Hòa Hiệp